

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế) theo Quyết định số 139/QĐUBND ngày 16/01/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3103000161 ngày 10/02/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập cho đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04/09/2018 với mã số doanh nghiệp là 3300101011.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 64/2009/GCNCP-VSD ngày 02/10/2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là GTH

Vốn điều lệ: 27.355.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2018: 27.355.000.000 đồng

Các đơn vị trực thuộc của Công ty: Công ty có 12 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc gồm:

- Chi nhánh Quảng Trị;
- Chi nhánh Quảng Điền;
- Nhà máy gạch Tuynen Hải Lăng;
- Xí nghiệp Xây dựng Giao thông số 1;
- Xí nghiệp Xây dựng Giao thông số 2;
- Xí nghiệp Xây lắp 6;
- Xí nghiệp Thi công Cầu;
- Xí nghiệp Cơ Khí;
- * Đội liên kết xây dựng số 1;
- Đội liên kết xây dựng số 3;
- Đội liên kết xây dựng số 4;
- Cửa hàng xăng dầu An Lỗ.

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
- Điện thoại : (+84) 0234.3812849
- Fax : (+84) 0234.3823846

3. **Ngành nghề kinh doanh chính:** Công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực bao gồm: hoạt động xây lắp, khai thác và sản xuất đá xây dựng,....

4. **Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1. **Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Chính	Chủ tịch	22/05/2017	
Ông Nguyễn Đăng Bảo	Phó Chủ tịch	22/05/2017	
Ông Phạm Văn Đức	Thành viên	28/04/2017	
Bà Ngô Thị Lệ Hương	Thành viên	09/05/2014	

4.2. **Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Quang	Trưởng ban	13/09/2016	
Ông Phan Văn Dương	Thành viên	13/09/2016	

4.3. **Ban điều hành**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đăng Bảo	Tổng Giám đốc	01/09/2018	
Ông Trần Chính	Tổng Giám đốc	01/06/2014	01/09/2018
Ông Đoàn Anh Hải	Phó Tổng Giám đốc	01/06/2014	
Ông Nguyễn Đăng Bảo	Phó Tổng Giám đốc	01/06/2014	30/08/2018
Ông Phan Văn Dương	Phó Tổng Giám đốc	13/09/2016	
Bà Ngô Thị Lệ Hương	Kế toán trưởng	01/06/2014	

5. **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đăng Bảo	Tổng Giám đốc

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 37.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ngày 22/03/2019, Công ty đã họp HĐQT và bầu bổ sung 1 số chức danh như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đăng Bảo	Chủ tịch	22/03/2019	
Ông Trần Chính	Chủ tịch	22/05/2017	22/03/2019
Ông Nguyễn Đăng Bảo	Phó Chủ tịch	22/05/2017	22/03/2019
Bà Ngô Thị Lệ Hương	Phó Chủ tịch	22/03/2019	

Ngoài ra, theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐĂNG BẢO

Tổng Giám đốc

Huế, ngày 29 tháng 03 năm 2019



Số: 23/2019/BCKT/AUD-DNVVLUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế, được lập ngày 29 tháng 03 năm 2019, từ trang 08 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng-VIETVALUES



Lê Thị Thanh Kim - Giám đốc Chi nhánh
Giấy CNDKHN số: 2896-2019-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Huỳnh Minh Hưng - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 3402-2017-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		200.796.153.352	185.731.382.974
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	15.019.876.093	12.666.063.862
111	1. Tiền		15.019.876.093	12.666.063.862
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		108.039.599.160	91.182.789.706
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	75.293.534.460	61.097.756.823
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	22.613.338.181	19.223.002.204
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	16.663.361.122	16.744.382.062
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.530.634.603)	(5.882.351.383)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.5	77.515.316.737	81.466.330.052
141	1. Hàng tồn kho		85.608.001.568	89.836.631.883
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(8.092.684.831)	(8.370.301.831)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		221.361.362	416.199.354
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	221.361.362	416.199.354
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		30.416.164.002	33.459.352.355
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		315.560.828	185.623.500
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
216	2. Phải thu dài hạn khác		315.560.828	185.623.500
220	II. Tài sản cố định		27.155.627.067	31.009.377.259
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	27.155.627.067	31.009.377.259
222	- Nguyên giá		104.066.649.188	104.407.721.634
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(76.911.022.121)	(73.398.344.375)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		-	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		61.599.640	-
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		61.599.640	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		440.000.000	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.7	440.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.443.376.467	2.264.351.596
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	2.443.376.467	2.264.351.596
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		231.212.317.354	219.190.735.329

CÔNG TY CP XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, P. Võ Dạ, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		198.319.846.388	185.788.082.834
310	I. Nợ ngắn hạn		189.409.053.974	176.816.350.459
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9a	59.596.133.048	53.675.528.459
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10	21.336.122.747	22.171.894.863
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	11.916.729.646	12.021.584.631
314	4. Phải trả người lao động	V.12	1.254.201.129	999.673.831
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.13	450.213.487	-
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.14a	14.242.421.409	11.670.367.764
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15	80.198.394.491	75.953.998.646
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	414.838.017	323.302.265
330	II. Nợ dài hạn		8.910.792.414	8.971.732.375
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.9b	8.896.024.953	8.963.439.772
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.14b	14.767.461	8.292.603
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		32.892.470.966	33.402.652.495
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.17	32.892.470.966	33.402.652.495
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		27.355.000.000	27.355.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		27.355.000.000	27.355.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(126.000.000)	(126.000.000)
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		4.247.125.283	4.247.125.283
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		945.955.533	945.955.533
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		470.390.150	980.571.679
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		12.835.927	41.257.547
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		457.554.223	939.314.132
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		231.212.317.354	219.190.735.329

TP. Huế, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN HẬU

NGÔ THỊ LỆ HƯƠNG

NGUYỄN ĐĂNG BẢO



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VL.1	149.364.398.414	126.708.556.843
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		149.364.398.414	126.708.556.843
11	4. Giá vốn hàng bán	VL.2	132.596.711.488	109.144.473.648
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.767.686.926	17.564.083.195
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VL.3	20.228.591	4.550.174
22	7. Chi phí tài chính	VL.4	7.877.728.387	8.522.008.130
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		7.877.728.387	8.522.008.130
25	8. Chi phí bán hàng	VL.5	1.865.752.911	2.920.427.840
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VL.6	4.735.057.824	5.811.463.277
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.309.376.395	314.734.122
31	11. Thu nhập khác	VL.7	124.059.880	1.510.730.176
32	12. Chi phí khác	VL.8	1.478.194.797	521.057.306
40	13. Lợi nhuận khác		(1.354.134.917)	989.672.870
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		955.241.478	1.304.406.992
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.10	497.687.255	365.092.860
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		457.554.223	939.314.132
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VL.9	142	293
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VL.10	142	293

Tp. Huế, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu



NGUYỄN VĂN HẬU

Kế toán trưởng



NGÔ THỊ LỆ HƯƠNG

Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐĂNG BÁO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		955.241.478	1.304.406.992
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		4.666.725.797	5.284.654.200
03	- Các khoản dự phòng		370.666.220	1.460.934
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(77.748.471)	(1.310.153.763)
06	- Chi phí lãi vay		7.877.728.387	8.522.008.130
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		13.792.613.411	13.802.376.493
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(17.635.030.002)	19.541.794.689
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		4.228.630.315	(25.287.137.822)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		6.823.989.966	10.248.455.814
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		15.813.121	13.435.819
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.115.568.114)	(8.577.293.530)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.11	(708.655.537)	(1.215.842.427)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(55.550.000)	(34.470.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(653.756.840)	8.491.319.036
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.011.782.637)	(1.564.204.195)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		194.727.272	1.554.545.455
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(440.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.228.591	4.550.174
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.236.826.774)	(5.108.566)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	VII.1	79.226.432.120	90.648.195.953
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(74.982.036.275)	(91.948.047.554)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(1.542.483.080)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.244.395.845	(2.842.334.681)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.353.812.231	5.643.875.789
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		12.666.063.862	7.022.188.073
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	15.019.876.093	12.666.063.862

Người lập biểu



NGUYỄN VĂN HẬU

Kế toán trưởng



NGÔ THỊ LỆ HƯƠNG

Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐĂNG BẢO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động xây lắp, khai thác và sản xuất đá xây dựng

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, giao thông;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng hạ tầng đô thị;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Thi công lưới điện hạ thế;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Thi công hệ thống cấp nước sinh hoạt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất bê tông đúc sẵn, thương phẩm;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông đúc sẵn, thương phẩm;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và theo tuyến cố định;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, khảo sát và thiết kế các công trình giao thông;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản phi quặng, khai hoang đồng ruộng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Gia công sửa chữa phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cung ứng phương tiện vật tư thiết bị, phụ tùng giao thông vận tải;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý vận tải;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Thí nghiệm vật liệu xây dựng công trình giao thông.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh đối với hoạt động xây dựng công trình của Công ty thường kéo dài trên 12 tháng.

Các hoạt động khác chu kỳ kinh doanh thường không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Cấu trúc công ty

Công ty có 12 đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Quảng Trị;
- Chi nhánh Quảng Điền;
- Nhà máy gạch Tuynen Hải Lăng;
- Xí nghiệp Xây dựng Giao thông số 1;
- Xí nghiệp Xây dựng Giao thông số 2;
- Xí nghiệp Xây lắp 6;
- Xí nghiệp Thi công Cầu;
- Xí nghiệp Cơ Khí;
- Đội liên kết xây dựng số 1;
- Đội liên kết xây dựng số 3;
- Đội liên kết xây dựng số 4;
- Cửa hàng xăng dầu An Lỗ.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 164 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 187 nhân viên).

7. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có sự kiện nào khác về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch doanh thu – chi phí và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính tổng hợp toàn Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Dịch vụ hoàn thành: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến dịch vụ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Chi phí khai thác mỏ đã

Chi phí khai thác mỏ đá được phân bổ theo thời gian thực tế trên giấy phép khai thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỦA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	04 - 11 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định khác	06 - 10 năm

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu;

Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị ghi sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo điều lệ Công ty.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

11. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc gi giảm giá vốn hàng bán.

Giá vốn của hoạt động bất động sản đầu tư gồm có chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...

13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn.

14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc cho giai đoạn từ ngày và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỬA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	13.957.913.882	10.584.344.673
Tiền gửi ngân hàng	1.061.962.211	2.081.719.189
Cộng	<u>15.019.876.093</u>	<u>12.666.063.862</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	75.293.534.460	61.097.756.823
- Ban Quản lý Dự án 4 - Bộ Giao thông Vận tải	7.155.198.869	7.826.309.008
- Công ty TNHH Xây dựng Mạnh Linh	7.384.004.497	6.029.112.497
- Ban Quản lý Dự án Huyện Hải Lăng	1.026.641.000	2.631.068.000
- Công ty CP 473	-	2.079.711.000
- Trung tâm phát triển Quỹ đất Tỉnh Quảng Trị	473.091.000	1.649.500.000
- Ban Quản lý Dự án Phát triển đô thị Thừa Thiên Huế	-	198.008.000
- Công ty TNHH Khai thác Đá số 1 Hương Trà	3.665.420.677	4.038.221.777
- Công ty CP Thành Đạt	6.459.442.000	1.958.912.000
- Cục quản lý đường bộ 2	9.297.897.300	-
- Công ty CP Đường Bộ 1	4.229.583.000	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển và XDGT 208	2.868.800.000	-
- Các đối tượng khách hàng khác	32.733.456.117	34.686.914.541
Cộng	<u>75.293.534.460</u>	<u>61.097.756.823</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	22.613.338.181	19.223.002.204
- Công ty CP Xây dựng 939	3.150.000.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng TH Hoàng Phong	1.050.000.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng & Dịch vụ Thiên Minh	-	600.000.000
- Nguyễn Thiên Cường	548.044.000	552.054.000
- Các đối tượng khác	17.865.294.181	18.070.948.204
Cộng	<u>22.613.338.181</u>	<u>19.223.002.204</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu ngắn và dài hạn khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	935.212.476	-	1.178.492.404	-
Tại văn phòng Công ty	318.473.584	-	385.626.714	-
- BHXH, BHYT, BHTN	29.881.347	-	39.905.477	-
- Các đối tượng khác	288.592.237	-	345.721.237	-
Tại XN Xây dựng Giao thông I	125.004.297	-	281.991.177	-
Tại XN Thi công Cầu	63.006.979	-	63.006.979	-
Tại NM Gạch Tuynen Hải Lăng	170.672.842	-	175.193.462	-
Tại Chi nhánh Quảng Trị	118.102.293	-	118.102.293	-
Tại Chi nhánh Quảng Điền	60.000.000	-	60.000.000	-
Các đối tượng khác	79.952.481	-	94.571.779	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	15.728.148.646	3.188.569.042	15.565.889.658	3.188.569.042
Cộng	16.663.361.122	3.188.569.042	16.744.382.062	3.188.569.042

4b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ dài hạn	315.560.828	-	185.623.500	-
Cộng	315.560.828	-	185.623.500	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.410.310.377	-	8.007.503.992	-
Công cụ, dụng cụ	153.481.935	-	420.493.657	-
Chi phí SXKD dở dang	47.305.000.183	-	47.849.661.693	-
Thành phẩm	33.670.083.679	(8.092.684.831)	33.136.318.448	(8.370.301.831)
Hàng hóa	69.125.394	-	422.654.093	-
Cộng	85.608.001.568	(8.092.684.831)	89.836.631.883	(8.370.301.831)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh tại ngày kết thúc niên độ kế toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đường nối tuyến số 1 vào bãi rác Lao Bảo	1.794.615.295	1.794.615.295
- Gói 1, 2, 3 Đường Phú Lệ	1.254.766.852	1.254.766.852
- Đường Vành đai cứu hộ cửa nạn Tây Đông Hà	2.065.893.756	2.199.783.220
- Đường Vũng Án - Hà Tĩnh	2.442.738.712	2.442.738.712
- Đường lên Thị trấn Khe Tre	2.272.791.558	5.231.784.285
- Nhà máy SXDC Du lịch JinQuan	2.178.303.248	2.884.279.599
- Bê tông nhựa Công ty CP Quản lý Xây dựng Giao thông	1.318.571.896	1.164.946.770
Quảng Trị		
- Đường Xuân Quy Vĩnh	2.208.030.610	2.928.088.616
- Cầu Đa Phú	1.410.369.828	-
- Cầu Vân Dương	1.155.033.557	-
- Đường Tỉnh lộ 10	1.140.148.132	-
- Các công trình khác	28.063.736.739	27.948.658.344
Cộng	<u>47.305.000.183</u>	<u>47.849.661.693</u>

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện tải trọng	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	19.660.266.637	72.909.800.043	10.121.403.779	1.359.165.172	357.086.003	104.407.721.634
Mua sắm trong năm	-	950.182.997	-	-	-	950.182.997
Tỷ lệ, nhượng bán	-	(599.731.807)	(691.523.636)	-	-	(1.291.255.443)
Số cuối năm	<u>19.660.266.637</u>	<u>73.260.251.233</u>	<u>9.429.880.143</u>	<u>1.359.165.172</u>	<u>357.086.003</u>	<u>104.066.649.188</u>
Trong đó:						
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.236.713.870	37.084.569.202	598.019.479	904.242.444	-	45.823.544.995
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	5.997.791.816	56.662.796.825	9.381.333.539	1.121.418.869	235.003.326	73.398.344.375
Khấu hao trong năm	840.314.413	3.380.460.614	309.999.880	98.109.445	37.841.445	4.666.725.797
Tỷ lệ, nhượng bán	-	(599.731.807)	(554.316.244)	-	-	(1.154.048.051)
Số cuối năm	<u>6.838.106.229</u>	<u>59.443.525.632</u>	<u>9.137.017.175</u>	<u>1.219.528.314</u>	<u>272.844.771</u>	<u>76.911.022.121</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	13.662.474.821	16.247.003.218	740.070.240	237.746.303	122.082.677	31.009.377.259
Số cuối năm	<u>12.822.160.408</u>	<u>13.816.725.601</u>	<u>292.862.968</u>	<u>139.636.858</u>	<u>84.241.232</u>	<u>27.155.627.067</u>

Trong đó: Giá trị còn lại của tài sản thế chấp tại ngày 31/12/2018 là 22.092.157.930 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu	440.000.000	440.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
Cộng	440.000.000	440.000.000	-	-

Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế phát hành gồm:

- 340.000.000 đồng là kỳ hạn 7 năm (19/12/2018 đến 19/12/2025), lãi suất trái phiếu bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân; định kỳ 1 năm trả lãi 1 lần.
- 100.000.000 đồng là kỳ hạn 10 năm (19/12/2018 đến 19/12/2028), lãi suất trái phiếu bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân; định kỳ 1 năm trả lãi 1 lần.

Các Giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu này đang được thế chấp cầm cố các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế

8. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	681.819	326.744.187
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	220.679.543	89.455.167
Cộng	221.361.362	416.199.354

Biến động chi phí trả trước ngắn hạn trong năm:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	416.199.354	193.868.585
Tăng trong năm	591.966.797	576.404.158
Phân bổ trong năm	(786.804.789)	(354.073.389)
Số dư cuối năm	221.361.362	416.199.354

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	212.579.512	106.970.201
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	217.032.343	210.507.135
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	557.475.591	481.140.759
Chi phí cấp phép khai thác mỏ, mở mỏ	1.438.586.021	1.411.116.228
Chi phí dài hạn khác	17.703.000	54.617.273
Cộng	2.443.376.467	2.264.351.596

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	2.264.351.596	2.500.118.184
Tăng trong năm	740.018.183	1.001.470.021
Phân bổ trong năm	(560.993.312)	(1.237.236.609)
Số dư cuối năm	2.443.376.467	2.264.351.596

9. Phải trả người bán**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	59.596.133.048	53.675.528.459
- Công ty CP TM và XNK Vật tư Giao thông	2.357.953.700	4.286.964.600
- Công ty TNHH Trung Việt	1.293.530.000	3.293.530.000
- Công ty Cổ phần Thiên Tân	2.031.047.147	3.030.712.847
- Công ty Cổ phần Hương Thủy	2.989.711.571	2.513.550.502
- Công ty TNHH XD & TM Trung Việt Phát	3.675.318.000	2.262.938.000
- Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn Vina - PSMC	1.756.245.000	1.756.245.000
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	150.300	1.100.150.300
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	1.070.430.600	1.070.430.600
- Công ty Cổ phần Xây lắp Thạch Bàn	938.226.000	938.226.000
- Công ty TNHH Việt Nhật	393.101.974	824.683.474
- Công ty TNHH NTND và XDCT NCH Đà Nẵng	157.883.220	131.224.170
- Công ty TNHH Vật liệu Kim Khí Sao Vàng	2.666.033.423	1.956.984.169
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và TM Quốc tế	10.073.988.000	-
- Các đối tượng khác	30.192.514.113	30.509.888.797
Cộng	59.596.133.048	53.675.528.459

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	8.896.024.953	8.963.439.772
- Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Sao Việt	8.896.024.953	8.963.439.772
- Các đối tượng khác	-	-
Cộng	<u>8.896.024.953</u>	<u>8.963.439.772</u>

10. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước khác</i>	21.336.122.747	22.171.894.863
- Ban Quản lý các Công trình Giao thông	3.810.654.956	11.988.431.956
- Ban Quản lý Dự án 4	10.400.000.000	2.849.447.000
- Công ty TNHH Hùng Khôi	-	1.673.883.750
- Ban Quản lý Dự án Huyện Hải Lăng	1.918.893.000	-
- Các đối tượng khác	5.206.574.791	5.660.132.157
Cộng	<u>21.336.122.747</u>	<u>22.171.894.863</u>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.707.455.473	-	3.203.629.053	3.426.341.492	4.484.743.034	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	785.678.692	-	497.687.255	708.655.537	574.710.410	-
Thuế thu nhập cá nhân	119.068.353	-	65.943.345	54.242.454	130.769.244	-
Thuế tài nguyên	689.986.750	-	1.290.426.886	778.546.350	1.201.867.286	-
Thuế nhà đất	676.937.465	-	922.526.764	654.701.822	944.762.407	-
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.042.457.898	-	1.943.071.284	2.405.651.917	4.579.877.265	-
Cộng	<u>12.021.584.631</u>	<u>-</u>	<u>7.931.284.587</u>	<u>8.036.139.572</u>	<u>11.916.729.646</u>	<u>-</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	955.241.478	1.304.406.992
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để	1.489.917.115	405.688.333
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.533.194.797	521.057.306
+ Thù lao HDQT không trực tiếp điều hành	55.000.000	77.000.000
+ Phạt chậm nộp thuế, hành chính	1.454.328.797	381.098.215
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	23.866.000	62.959.091
- Các khoản điều chỉnh giảm	43.277.682	115.368.973
+ Giảm lợi nhuận công trình đã đưa vào tính thuế năm trước theo BB KTNN	43.277.682	115.368.973
Thu nhập chịu thuế	2.445.158.593	1.710.095.325
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	2.445.158.593	1.710.095.325
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	497.687.255	365.092.860
- Chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	489.031.719	342.019.065
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN kỳ trước vào chi phí thuế TNDN kỳ này	8.655.536	23.073.795

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

12. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	1.254.201.129	999.673.831
Tiền thưởng phải trả	-	-
Cộng	1.254.201.129	999.673.831

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	450.213.487	-
Cộng	<u>450.213.487</u>	<u>-</u>

14. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**14a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	14.242.421.409	11.670.367.764
- Kinh phí công đoàn	673.749.855	488.852.775
- BHXH, BHYT, BHTN	3.362.583.795	2.640.105.893
- Phải trả về cổ phần hóa	3.219.226.893	3.219.226.893
- Cổ tức phải trả	1.740.116.920	919.466.920
- CNV nộp tiền mua cổ phiếu tại Nhà máy Gạch (*)	2.200.000.000	2.700.000.000
- Lãi vay phải trả	1.439.597.486	1.127.650.700
- Tạm ứng (Dư có)	628.898.965	36.454.596
- Các khoản phải trả khác	978.247.495	538.609.987
Cộng	<u>14.242.421.409</u>	<u>11.670.367.764</u>

(*) Đây là khoản tiền cán bộ công nhân viên nộp tiền để mua cổ phần tại Nhà máy Gạch Tuynen Hải Lăng theo phương án cổ phần hóa. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, nhà máy gạch vẫn chưa hoàn thành các thủ tục cổ phần hóa.

14b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	14.767.461	8.292.603
Cộng	<u>14.767.461</u>	<u>8.292.603</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỬA THIÊN HUẾ*Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	80.198.394.491	80.198.394.491	75.953.998.646	75.953.998.646
- Ngân hàng DT & PT Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế	69.677.358.168	69.677.358.168	66.244.032.398	66.244.032.398
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam- CN Quảng Trị	-	-	994.076.000	994.076.000
- Vay ngắn hạn của các cá nhân	10.521.036.323	10.521.036.323	8.715.890.248	8.715.890.248
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
Cộng	80.198.394.491	80.198.394.491	75.953.998.646	75.953.998.646

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/580064/HDTD ngày 16/08/2018. Tổng hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng, thời gian vay và lãi suất xác định theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo tiền vay là hợp đồng bảo lãnh kèm theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/580064/HDTD ngày 17/08/2017 chuyển sang.
- Vay ngắn hạn các cá nhân theo từng hợp đồng vay ngắn hạn. Lãi suất vay dao động từ 5% đến 9,6% tùy từng hợp đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323.302.265	147.085.752	(55.550.000)	414.838.017
Cộng	323.302.265	147.085.752	(55.550.000)	414.838.017

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	27.355.000.000	(126.000.000)	4.247.125.283	945.955.533	1.014.008.879	33.436.089.695
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	939.314.132	939.314.132
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(152.101.332)	(152.101.332)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(820.650.000)	(820.650.000)
Số dư cuối năm trước	27.355.000.000	(126.000.000)	4.247.125.283	945.955.533	980.571.679	33.402.652.495
Số dư đầu năm nay	27.355.000.000	(126.000.000)	4.247.125.283	945.955.533	980.571.679	33.402.652.495
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	457.554.223	457.554.223
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(147.085.752)	(147.085.752)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(820.650.000)	(820.650.000)
Số dư cuối năm nay	27.355.000.000	(126.000.000)	4.247.125.283	945.955.533	470.390.150	32.892.470.966

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Ông Phạm Văn Đức	6.471.000.000	6.471.000.000
Vốn góp của Ông Nguyễn Đăng Bào	3.106.160.000	3.106.160.000
Vốn góp của Ông Trần Chính	2.627.510.000	2.627.510.000
Vốn góp của Ông Lê Viết Trí	1.930.560.000	1.930.560.000
Vốn góp của Bà Ngô Thị Lệ Hương	1.655.040.000	1.655.040.000
Vốn góp của các cổ đông khác	11.564.730.000	11.564.730.000
Cộng	27.355.000.000	27.355.000.000

17c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.355.000.000	27.355.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	27.355.000.000	27.355.000.000
- Cổ tức đã chia	820.650.000	820.650.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	2.735.500	2.735.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.735.500	2.735.500
- Cổ phiếu thường	2.735.500	2.735.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.735.500	2.735.500
- Cổ phiếu thường	2.735.500	2.735.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

17e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty số 01-NQ/DH ngày 28 tháng 07 năm 2018 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ 3% vốn điều lệ, tương ứng số tiền: 820.650.000 đồng.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu xây lắp	112.107.988.127	93.610.253.317
Doanh thu bán VLXD, bê tông nhựa,...	37.256.410.287	33.098.303.526
Cộng	<u>149.364.398.414</u>	<u>126.708.556.843</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn xây lắp	100.422.113.925	81.748.202.386
Giá vốn VLXD, bê tông nhựa,...	32.452.214.563	27.555.558.431
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(277.617.000)	(159.287.169)
Cộng	<u>132.596.711.488</u>	<u>109.144.473.648</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.228.591	4.550.174
Cộng	<u>20.228.591</u>	<u>4.550.174</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	7.877.728.387	8.522.008.130
Cộng	<u>7.877.728.387</u>	<u>8.522.008.130</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	593.933.388	643.085.878
Chi phí khấu hao TSCĐ	77.424.250	92.909.100
Các khoản khác	1.194.395.273	2.184.432.862
Cộng	<u>1.865.752.911</u>	<u>2.920.427.840</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.660.356.001	3.829.423.160
Chi phí khấu hao tài sản cố định	125.140.464	134.335.241
Chi phí khác	949.561.359	1.847.704.876
Cộng	<u>4.735.057.824</u>	<u>5.811.463.277</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	57.519.880	1.305.603.589
Thu từ nhận đền bù	66.540.000	146.369.000
Các khoản khác	-	58.757.587
Cộng	<u>124.059.880</u>	<u>1.510.730.176</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	1.454.328.797	381.098.215
Chi HDQT, BKS không trực tiếp điều hành	-	77.000.000
Chi phí khác	23.866.000	62.959.091
Cộng	1.478.194.797	521.057.306

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	457.554.223	939.314.132
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(68.633.133)	(147.085.752)
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(68.633.133)	(147.085.752)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	388.921.090	792.228.380
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.735.500	2.703.329
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	142	293

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 được tạm tính theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận của năm trước (15% lợi nhuận) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01-NQ/ĐH ngày 28 tháng 07 năm 2018

Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.735.500	2.735.500
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong	2.735.500	2.735.500

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	388.921.090	792.228.380
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	388.921.090	792.228.380
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.735.500	2.703.329
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	142	293

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	67.400.940.741	66.024.609.235
Chi phí nhân công	30.283.273.067	34.806.470.265
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.666.725.797	5.284.654.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.982.297.266	20.161.355.825
Chi phí khác	13.482.722.853	11.655.904.296
Cộng	138.815.959.724	137.932.993.821

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Đơn vị tính: VND)**1. Tiền thu từ đi vay**

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	79.226.432.120	90.648.195.953
Cộng	79.226.432.120	90.648.195.953

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền chi trả nợ vay theo kế ước thông thường	74.982.036.275	91.948.047.554
Cộng	74.982.036.275	91.948.047.554

II. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Đơn vị tính: VND)

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty chỉ có giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị	627.791.300	1.202.415.000
<i>Thù lao</i>	212.000.000	255.000.000
<i>Cổ tức</i>	415.791.300	947.415.000
Ban điều hành	409.734.900	435.848.178
<i>Tiền lương</i>	402.000.000	407.488.578
<i>Cổ tức</i>	7.734.900	28.359.600
Ban kiểm soát	52.110.900	91.221.800
<i>Thù lao</i>	45.000.000	77.000.000
<i>Cổ tức</i>	7.110.900	14.221.800
Cộng	1.089.637.100	1.729.484.978

2. Báo cáo bộ phận

Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trọng năm, Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động xây lắp
- Hoạt động kinh doanh khác

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	112.107.988.127	37.256.410.287	-	149.364.398.414
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	112.107.988.127	37.256.410.287	-	149.364.398.414
Giá vốn bộ phận	100.422.113.925	32.174.597.563	-	132.596.711.488
Lợi nhuận gộp bộ phận	11.685.874.202	5.081.812.724	-	16.767.686.926
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	93.610.253.317	33.098.303.526	-	126.708.556.843
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	93.610.253.317	33.098.303.526	-	126.708.556.843
Giá vốn bộ phận	81.748.202.386	27.396.271.262	-	109.144.473.648
Lợi nhuận gộp bộ phận	11.862.050.931	5.702.032.264	-	17.564.083.195

Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Riêng chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do có sự thay đổi về phân phối các Quỹ khen thưởng, phúc lợi so với số tạm tính nên chỉ tiêu này được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu năm trước đã kiểm toán	Số liệu năm trước xác định lại	Chênh lệch
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	292	293	1
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19	292	293	1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 22/03/2019, Công ty đã họp HĐQT và bầu bổ sung 1 số chức danh như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đăng Bảo	Chủ tịch	22/03/2019	
Ông Trần Chính	Chủ tịch	22/05/2017	22/03/2019
Ông Nguyễn Đăng Bảo	Phó Chủ tịch	22/05/2017	22/03/2019
Bà Ngô Thị Lệ Hương	Phó Chủ tịch	22/03/2019	

Ngoài ra, theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

Huế, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN HẬU

NGÔ THỊ LỆ HƯƠNG



NGUYỄN ĐĂNG BẢO